

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP NDH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP NDH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110653107

3. Ngày thành lập: 18/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 109B đường Đại Tự, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962329033

Fax:

Email: Congtyndhgroup@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. – Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh,	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4610
5.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh cơ sở buôn bán thực phẩm	4632
6.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn	4633

7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nguyên liệu làm thuốc	4649
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết - Bán buôn bao bì, nguyên liệu, hương liệu phục vụ cho sản xuất thực phẩm chức năng.	4669
13.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
14.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
15.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
16.	Khai thác gỗ	0220
17.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
18.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
20.	Giáo dục nhà trẻ	8511
21.	Giáo dục mẫu giáo	8512
22.	Giáo dục tiểu học	8521
23.	Đào tạo sơ cấp	8531
24.	Đào tạo trung cấp	8532
25.	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: – Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; – Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); – Giáo dục dự bị; – Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;	8559

26.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn du học, + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.	8560(Chính)
27.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
28.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa chất công trình; - Thiết kế cấp thoát nước, môi trường nước: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hệ thống cấp thoát nước khu đô thị; - Thiết kế công trình đường bộ; - Thiết kế quy hoạch xây dựng. Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng công nghiệp; - Khảo sát địa hình trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình - Thiết kế công trình cầu, đường bộ; - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; - Giám sát công tác XD&HT công trình: Giao thông - cầu, đường bộ; - Giám sát công tác XD&HT: Công trình xây dựng, thủy lợi; - Thiết kế công trình: Thủy lợi - Thẩm tra thiết kế xây dựng (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký)	7110
29.	Quảng cáo	7310
30.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
31.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
32.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền); - Tư vấn về công nghệ khác.	7490
33.	Hoạt động thú y Chi tiết: Chăm sóc sức khỏe động vật và kiểm soát hoạt động của vật nuôi.	7500
34.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng	4722
35.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030

36.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất cửa kim loại. – Nhà tiền chế – Sản xuất khung nhôm hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...); – Sản xuất khung kim loại công nghiệp (khung cho là hơi, thiết bị nâng và cầm tay...); – Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại như: Nhà di chuyển và các bộ phận tháo rời... – Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung của chúng, cửa chớp, cổng; – Vách ngăn phòng bằng kim loại	2511
37.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
39.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn; - Biệt thự du lịch; - Căn hộ du lịch; - Nhà nghỉ du lịch; - Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê.	5510
40.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
41.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: - Hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm. - Loại trừ: Hoạt động của các Trung tâm dịch vụ việc làm	7810
42.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
43.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
44.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
45.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
46.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
47.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
48.	Xây dựng nhà để ở	4101
49.	Xây dựng nhà không để ở	4102
50.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
51.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
52.	Xây dựng công trình điện	4221

53.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
54.	Phá dỡ (trừ hoạt động nổ mìn; rà phá bom mìn)	4311
55.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Vận chuyển đất: đào, lấp, san và ủi tại các mặt bằng xây dựng, đào móng, vận chuyển đá (trừ hoạt động nổ mìn; rà phá bom mìn)	4312
56.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
57.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
58.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Kinh doanh thuốc thú	4772

6. **Vốn điều lệ:** 9.900.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 990.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ ĐỨC TÚ	P815-CT2, Hateco 6, Tổ dân phố 2, đường Tu Hoàng, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	297.000	2.970.000.000	30,000	030075003627	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	297.000	2.970.000.000	30,000		

2	NGUYỄN VIỆT HƯNG	Tổ dân phố 8, Thị Trần Cát Bà, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	247.500	2.475.000.000	25,000	0080720000 21
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	247.500	2.475.000.000	25,000	
3	VŨ THỊ NỮ	Tổ dân phố 8, Thị Trần Cát Bà, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	217.800	2.178.000.000	22,000	0311710129 71
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	217.800	2.178.000.000	22,000	
4	NGHIÊM THỊ HÀ NAM	815-CT2, Hateco 6, Tổ dân phố 2 Tu Hoàng, Phường Phương Canh, Quận Nam Tứ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	227.700	2.277.000.000	23,000	0241840000 42
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	227.700	2.277.000.000	23,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	--	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐỖ ĐỨC TÚ** Giới tính: *Nam*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: *11/05/1975* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *030075003627*
Ngày cấp: *24/07/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*
Địa chỉ thường trú: *Tổ dân phố Ngang, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Địa chỉ liên lạc: *P815-CT2, Hateco 6, Tổ dân phố 2, đường Tu Hoàng, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*